

LUẬT BÁO CHÍ

Để bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân ;

Để phát huy vai trò của báo chí trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam ;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 67 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

Luật này quy định chế độ báo chí.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vai trò, chức năng của báo chí

Báo chí ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội ; là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (dưới đây gọi chung là tổ chức) ; là diễn đàn của nhân dân.

Điều 2. Bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình.

Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân.

Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, phát sóng.

Điều 3. Các loại hình báo chí

Báo chí nói trong Luật này là báo chí Việt Nam, gồm : báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn) ; báo nói (chương trình phát thanh) ; báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe - nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài.

CHƯƠNG II QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ, QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRÊN BÁO CHÍ CỦA CÔNG DÂN

Điều 4. Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân Công dân có quyền :

- 1- Được thông tin qua báo chí về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới ;
- 2- Tiếp xúc, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí và nhà báo; gửi tin, bài, ảnh và tác phẩm khác cho báo chí mà không chịu sự kiểm duyệt của tổ chức, cá nhân nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin ;

- 3- Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới ;
- 4- Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ;
- 5- Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và thành viên của các tổ chức đó.

Điều 5. Trách nhiệm của báo chí đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

Cơ quan báo chí có trách nhiệm :

- 1- Đăng, phát sóng tác phẩm, ý kiến của công dân ; trong trường hợp không đăng, phát sóng phải trả lời và nói rõ lý do ;
- 2- Trả lời hoặc yêu cầu tổ chức, người có chức vụ trả lời bằng thư hoặc trên báo chí về kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến.

CHƯƠNG III NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÁO CHÍ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí

Báo chí có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :

- 1- Thông tin trung thực về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới ;
- 2- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu văn hoá, khoa học, kỹ thuật trong nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí ; góp phần nâng cao kiến thức, đáp ứng nhu cầu văn hoá lành mạnh của nhân dân, bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ;
- 3- Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội ; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân ;
- 4- Phát hiện, biểu dương gương tốt, nhân tố mới ; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác ;
- 5- Mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho báo chí

Trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình, các tổ chức có quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho báo chí, giúp cho báo chí thông tin chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

Đối với vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử thì các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền không cung cấp thông tin cho báo chí, nhưng báo chí có quyền thông tin theo các nguồn tài liệu của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

Báo chí có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên người cung cấp thông tin nếu có hại cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng.

Điều 8. Trả lời trên báo chí

Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí ; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí.

Tổ chức, công dân có quyền yêu cầu cơ quan báo chí trả lời về vấn đề mà báo chí đã thông tin ; cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời.

Cơ quan báo chí phát hiện hoặc nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân về những việc có dấu hiệu phạm tội thì phải báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát bằng văn bản ; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm thụ lý và trả lời cho báo chí cách giải quyết.

Điều 9. Cải chính trên báo chí

Báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân thì phải cải chính và xin lỗi hoặc đăng, phát sóng lời cải chính của tổ chức, công dân. Trong trường hợp báo chí không cải chính hoặc cải chính không thoả đáng ; không đăng, phát sóng lời cải chính của tổ chức, công dân mà không có lý do chính đáng thì họ có quyền khiếu nại với cơ quan chủ quản báo chí hoặc yêu cầu Toà án xét xử.

Lời cải chính của cơ quan báo chí của tổ chức, công dân phải được đăng, phát sóng kịp thời và tương xứng với thông tin cần cải chính.

Điều 10. Những điều không được thông tin trên báo chí

Để quyền tự do ngôn luận trên báo chí được sử dụng đúng đắn, báo chí phải tuân theo những điều sau đây :

- 1- Không được kích động nhân dân chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân ;
- 2- Không được kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động dâm ô, đồi trụy, tội ác ;
- 3- Không được tiết lộ bí mật Nhà nước : bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định ;
- 4- Không được đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC BÁO CHÍ VÀ NHÀ BÁO

Điều 11. Cơ quan báo chí

Cơ quan báo chí là cơ quan thực hiện một loại hình báo chí nói tại Điều 3 của Luật này.

Điều 12. Cơ quan chủ quản báo chí

Cơ quan chủ quản báo chí là tổ chức đứng tên xin cấp giấy phép hoạt động của báo chí và trực tiếp quản lý cơ quan báo chí.

Cơ quan chủ quản báo chí có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :

1- Xác định, chỉ đạo thực hiện tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng và ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí được quy định trong giấy phép ;

2- Bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc quyền mình, sau khi trao đổi ý kiến với cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Điều 13. Người đứng đầu cơ quan báo chí

1- Người đứng đầu cơ quan báo chí là Tổng biên tập (báo in) hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở thực hiện chương trình nghe - nhìn thời sự) ;

2- Người đứng đầu cơ quan báo chí phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định ;

3- Người đứng đầu cơ quan báo chí lãnh đạo và quản lý cơ quan báo chí về mọi mặt, bảo đảm thực hiện tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của cơ quan báo chí.

Điều 14. Nhà báo

Nhà báo phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định, đang hoạt động hoặc công tác thường xuyên với một cơ quan báo chí Việt Nam và được cấp thẻ nhà báo.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của nhà báo

Nhà báo có quyền và nghĩa vụ sau đây :

1- Nhà báo có quyền và nghĩa vụ thông tin trung thực, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, góp phần thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân ;

2- Nhà báo có quyền hoạt động báo chí trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

3- Nhà báo chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm báo chí của mình ; có quyền khước từ việc biên soạn hoặc tham gia biên soạn tác phẩm báo chí trái với Luật này ;

4- Nhà báo được hưởng một chế độ ưu tiên, ưu đãi cần thiết cho hoạt động báo chí theo quy định của Hội đồng bộ trưởng ;

Không ai được đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo hoặc phá huỷ, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo trong hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.

Không ai được lạm dụng danh nghĩa nhà báo để làm việc vi phạm pháp luật.

Điều 16. Hội nhà báo Việt Nam

Hội nhà báo Việt Nam có quyền và nghĩa vụ tham gia xây dựng và góp phần thực hiện chính sách thông tin - báo chí ; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà báo.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ

Điều 17. Quản lý Nhà nước về báo chí

Quản lý Nhà nước về báo chí bao gồm :

- 1- Xây dựng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp báo chí, chính sách tài trợ báo chí, chính sách đối với nhà báo ;
- 2- Ban hành quy chế hoạt động báo chí, cấp giấy phép hoạt động báo chí ;
- 3- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ báo chí và các quy định pháp luật về báo chí ; xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng bộ trưởng thực hiện quyền quản lý Nhà nước về báo chí trong cả nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương thực hiện quyền quản lý Nhà nước về báo chí ở địa phương theo sự phân cấp do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 18. Điều kiện hoạt động của báo chí

Tổ chức muốn thành lập cơ quan báo chí phải có đủ các điều kiện sau đây :

- 1- Có người đủ tiêu chuẩn để đứng đầu cơ quan báo chí theo quy định tại Điều 13 của Luật này ;
- 2- Xác định rõ tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng và ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí ;
- 3- Có trụ sở chính và có các điều kiện cần thiết khác bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí.

Điều 19. Cấp giấy phép hoạt động báo chí

Cơ quan báo chí phải có giấy phép do cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí cấp mới được hoạt động. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin phép, cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí phải trả lời, nói rõ lý do. Tổ chức bị từ chối cấp giấy phép có quyền khiếu nại với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 20. Hiệu lực của giấy phép

Cơ quan báo chí phải thực hiện đúng những điều ghi trong giấy phép ; nếu muốn thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, ngôn ngữ thể hiện, phạm vi phát hành chủ yếu, kỳ hạn xuất bản thì phải xin phép lại.

Việc xác định, thay đổi công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng phải được phép của cơ quan quản lý Nhà nước về tần số vô tuyến điện.

Không được chuyển nhượng giấy phép hoạt động báo chí cho cơ quan, tổ chức khác.

Điều 21. Xuất bản ấn phẩm báo chí khác, phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ

Cơ quan báo chí, tổ chức khác muốn xuất bản đặc san, số phụ ; đài phát thanh, đài truyền hình muốn phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ khác với tôn chỉ, mục đích, ngôn ngữ thể hiện ghi trong giấy phép thì phải xin phép cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Điều 22. In báo chí, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình

Cơ sở in có trách nhiệm thực hiện hợp đồng, bảo đảm thời gian phát hành của báo chí ; không được in báo chí không có giấy phép, không được in lại tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành của cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Cơ sở kỹ thuật phát sóng cho đài phát thanh, đài truyền hình có trách nhiệm bảo đảm phạm vi toả sóng quy định.

Đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở thực hiện chương trình nghe - nhìn thời sự không được phát nội dung tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành hoặc tịch thu.

Điều 23. Lưu chiếu

Báo chí in phải nộp lưu chiếu trước khi phát hành ; báo nói, báo hình phải lưu giữ bản thảo, phim nhựa, băng, đĩa, ghi âm, ghi hình theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 24. Phát hành báo chí

Cơ quan báo chí được tổ chức phát hành hoặc uỷ thác cho tổ chức, cá nhân có đăng ký phát hành.

Không ai được cản trở việc phát hành báo chí tới người đọc, nếu không có lệnh cấm lưu hành.

Không một tổ chức, cá nhân nào được lưu hành ấn phẩm báo chí không có giấy phép xuất bản hoặc đã có lệnh cấm.

Điều 25. Quảng cáo

Báo chí được đăng, phát sóng quảng cáo và thu tiền quảng cáo. Nội dung quảng cáo phải tách biệt với nội dung tuyên truyền và không được vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 26. Hợp báo

Tổ chức, công dân muốn hợp báo phải báo trước cho cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí. Nghiêm cấm hợp báo có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này.

CHƯƠNG VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng

Cơ quan báo chí, nhà báo, tổ chức và công dân có thành tích và cống hiến vào hoạt động báo chí thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước. Nhà báo có thành tích xuất sắc thì được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1- Cơ quan báo chí, tổ chức khác vi phạm quy định về giấy phép hoạt động báo chí, về nội dung thông tin

trên báo chí, về cải chính do thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống và các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi, tịch thu ấn phẩm, băng, đĩa ghi âm, ghi hình, đình bản tạm thời hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính.

Cơ quan báo chí, công dân thông tin gây thiệt hại cho tổ chức, công dân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

2- Người chịu trách nhiệm chính về những hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3- Người vi phạm các quy định về cung cấp thông tin, trả lời trên báo chí, thành lập cơ quan báo chí, phát hành, quảng cáo, hợp báo, cản trở hoạt động báo chí, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhà báo và các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 29

Luật này thay thế Luật số 100 SL-L002 ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định chế độ báo chí.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 30

Căn cứ vào quy định của Luật này, Hội đồng bộ trưởng ban hành quy chế hoạt động của báo chí nước ngoài tại Việt Nam và quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài.

Điều 31

Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 1989.